

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban điều hành	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	07 - 17
4. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	18 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Thành	Thành viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát	23/09/2015	
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên	29/05/2018	
Bà Lã Thị Vương Quý	Thành viên	18/11/2016	

4.3. Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Rõng	Tổng Giám đốc	31/12/2017	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc thường trực	01/07/2019	

4.4. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Quyết Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà Trần Thị Rõng - Tổng Giám đốc, được Ông Phạm Quyết Tiến ủy quyền ký Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 08/2019/UQ-HĐQT ngày 26/12/2019.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban điều hành với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban điều hành Công ty cam kết lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Phê duyệt các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban điều hành Công ty phê duyệt các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Báo cáo này đã được lập phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020.



TRẦN THỊ RỒNG
Tổng Giám đốc



Số: 2080/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 3 năm 2020 (từ trang 08 đến trang 22).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

V/v: Báo cáo chi tiêu tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



ĐỖ THỊ MỸ LINH

ĐỖ THỊ MỸ LINH

TRẦN THỊ RỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

DVT: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A.	Nguồn vốn			
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	250.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu Quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.237.404.755		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.562.404.755		
9	Quỹ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(36.956.322.547)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	90.152.534.892		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần tăng thêm hoặc giảm đi của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		28.392.914.054	24.410.503.366
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng	310.996.021.855	28.392.914.054	24.410.503.366

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tài sản tài chính		90.152.534.892	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác		895.392.617	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			32.000.000
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn			861.455.198

10/3/19
 TRƯỞNG KIỂM
 11/1/19

11/1/19
 11/1/19

4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			-	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-	
7	Tài sản ngắn hạn khác			1.937.419	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác				
1B	Tổng			-	91.047.927.509

12
 8N
 1 NH
 10ÁI
 UÃ
 TP

12
 8N
 1 NH
 10ÁI
 UÃ
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
<i>I</i>	<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>		-	
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài khác		-	
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>		2.021.352.200	
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>		-	
<i>IV</i>	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		-	
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>		7.425.645.662	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		718.915.765	
2	Chi phí trả trước dài hạn		933.357.331	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		5.773.372.566	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
<i>VI</i>	<i>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</i>		-	
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		-	
1C	Tổng	-	9.446.997.862	-
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng	-	-	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				206.518.685.796

12/12/19
 IT
 4H
 1A1
 IV
 KQ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường**

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Qui mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)
		(1)		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			36.478.267.884	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	4.478.267.884	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	27.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyên nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	5.000.000.000	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			127.830.049.120	20.928.808.062
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10%	69.851.107.620	6.985.110.762
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	15%	1.041.820.000	156.273.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%	48.937.121.500	9.787.424.300
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	8.000.000.000	4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-	-
VII. Chứng khoán khác					
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%			
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%			
VIII. Các tài sản khác					
19	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%		-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%			
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%			
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%			
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội	10%			
24	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty Chứng khoán phát hành				
25	Chứng quyền hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				11.040.757.920	1.580.075.792
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1.	CHP - Công ty CP Thủy Điện Miền Trung	10%	2.663.032.920	266.303.292	
2.	DND - Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	10%	4.760.000.000	952.000.000	
3.	SHP - Công ty CP Thủy điện miền Nam	10%	2.110.225.000	211.022.500	
4.	TIP - Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	10%	1.507.500.000	150.750.000	
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				175.349.074.924	22.508.883.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác							
2	Cho vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					1.920.000.000	3.993.105	1.923.993.105
3	Vay tài sản tài chính / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
TT	Thời hạn quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								
								1.923.993.105

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%			
4	Từ 60 ngày trở đi	100%			
TỔNG RỦI RO QUÁ HẠN THANH TOÁN					
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)					
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM					
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)					1.923.993.105

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng (tính đến 31/12/2019)	70.029.642.617
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	1.560.894.088
	<i>Chi phí khấu hao</i>	791.905.622
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp</i>	-
II.	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn</i>	-
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu</i>	768.988.466
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác</i>	-
	<i>Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</i>	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	68.468.748.529
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ	17.117.187.132
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	17.000.000.000
	C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))	17.117.187.132

31/12
 NG T
 IEM H
 N VÀ
 ?
 iNV
 . HỒ

//S/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	22.508.883.854	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.923.993.105	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.117.187.132	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)	41.550.064.092	
5	Vốn khả dụng	206.518.685.796	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	497%	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

**ĐỖ THỊ MỸ LINH**

Phụ trách kế toán

**ĐỖ THỊ MỸ LINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

11.11.2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/06/2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 09/10/2018, về việc thay đổi người đại diện pháp luật thành ông Phạm Quyết Tiến.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Các văn bản pháp quy áp dụng

- Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của riêng Công ty tại ngày lập báo cáo.
- Các thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87/2017/TT-BTC và các văn bản khác.
- Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 87/2017/TT-BTC chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xử lý một số khoản mục đặc thù nên Công ty đã áp dụng các cách thức diễn giải dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
Chỉ tiêu “ Các khoản phải thu” (Chỉ tiêu h, Khoản 1, Điều 10 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư số 87/2017/TT-BTC)	Chỉ tiêu “Các khoản phải thu” bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là thước đo mức độ an toàn tài chính của công ty, phản ánh khả năng của công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng của công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày

Vốn khả dụng của công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với ủy ban chứng khoán nhà nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Lầu 6&7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;

Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu có.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba)

3.3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi và được công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của rủi ro chứng khoán đang nắm giữ của công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - + Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - + Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

3.3.2 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Công ty không phát sinh giá trị rủi ro thị trường tăng thêm.

28
ĐĂNG
NHÌN
IÁN
IÁN
P.1
IÁN
T
HI

3.4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi các đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Đối với các hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán; Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 6%.

Căn cứ Thông tư số 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác” là toàn bộ giá trị khoản cho vay / tiền gửi.

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

3.4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Công ty tính phần tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



ĐỖ THỊ MỸ LINH

ĐỖ THỊ MỸ LINH

TRẦN THỊ RÕNG